



TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM (LILAMA COR.)
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 (LILAMA 45.3, JSC)
Địa chỉ: Lô 4k' - Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi.
Tel: 055.3710320; Fax: 055.3710313.
Email: info@lilama45-3.com; Website: www.lilama45-3.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014



*(Ban hành theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012
của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Quảng Ngãi, tháng 3/2015

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

-----*****-----



LILAMA 45.3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

MUC LUC

I.	THÔNG TIN CHUNG	
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5.	Định hướng phát triển.....	9
6.	Các rủi ro.....	10
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	11
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2.	Tổ chức và nhân sự.....	13
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư.....	17
4.	Tình hình tài chính.....	17
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	19
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	20
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	20
2.	Tình hình tài chính.....	21
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý.....	22
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	23
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	25
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	25
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	26
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	26
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	27
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	27
2.	Ban kiểm soát.....	31
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	34
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	35
1.	Ý kiến của kiểm toán.....	35
2.	Báo cáo tài chính đã kiểm toán.....	35-44

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY	: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	4400135344
Vốn điều lệ	: 35.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.
Số điện thoại	: 055.3710 321
Số FAX	: 055.3710 313
Website	: www.Lilama45-3.com
Mã cổ phiếu	: L43

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.
- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.
- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000 đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)
- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp

máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.
- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.
- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty có thành lập một chi nhánh công ty tại Hà Nội, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 28/09/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cầu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

+ Địa bàn kinh doanh:



Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Địa điểm

Trụ sở chính

Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Chi nhánh Công ty tại Hà Nội

A8/TT7 khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La,
quận Hà Đông Thành Phố Hà Nội

Chi nhánh

Nhà máy cơ khí Lilama 45.3 - Số 51 đường Độc lập
TP Tuy Hòa – Phú Yên

Chi nhánh

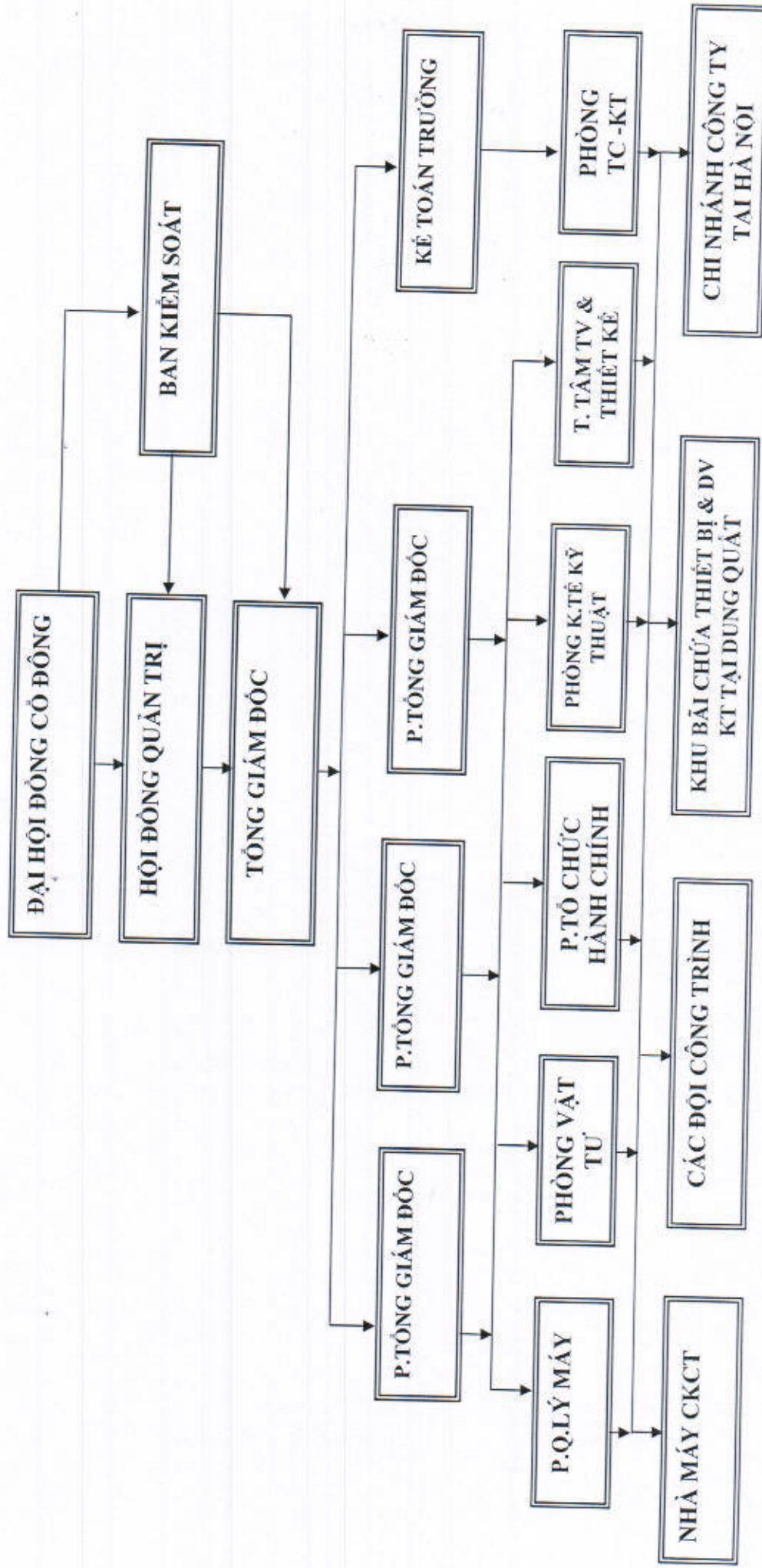
Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 – Lô 4 K Tôn
Đức Thắng – TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi

Văn phòng đại diện Lilama 45.3

Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Chủ yếu các công trình nằm tại Miền trung và Tây Nguyên như: Nhà máy thủy điện TĐ Hòa Phú (Buôn Mê Thuột); nhà máy nhiệt điện Vũng Áng (Hà Tĩnh), TĐ Vĩnh Sơn 5, TĐ Trà Xom (Bình Định), TĐ Sông Bung 4A, TĐ Sông Bung 5, TĐ Sông Tranh 3 (Quảng Nam), TĐ Đămbri, TĐ Krông Nô và TĐ Đồng Nai 2 (Lâm Đồng); xây dựng toà nhà Hang gar và khu phụ trợ - dự án sửa chữa máy bay thân rộng A75 (TP Hồ Chí Minh); dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy Gang thép Thái Nguyên, Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, thiết bị điện, chống sét dự án SX lốp xe tải Radial – Nhà máy cao su Đà Nẵng; Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, thiết bị điện, chống sét dự án: Di dời XN săm lốp ô tô từ Bắc Mỹ An vào khu CN Liên Chiểu Đà Nẵng; Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn Thanh Hóa vv..

4. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý



4.1- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- * Đại hội đồng cổ đông;
- * Hội đồng quản trị;
- * Ban kiểm soát
- * Ban Tổng Giám đốc
- * Các bộ phận quản lý

4.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2014 gồm Ban Tổng Giám đốc; 05 phòng ban; 01 chi nhánh Công ty; 01 trung tâm tư vấn thiết kế; 01 văn phòng điều hành tại Buôn Kuốp – Đắk Lắk; 01 Nhà máy cơ khí Bình Kiến - Phú Yên; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 11 đội công trình trực thuộc Công ty.

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức lao động
- + Phòng Tài chính kế toán
- + Phòng Vật tư thiết bị
- + Phòng Kinh tế kỹ thuật
- + Phòng Quản lý máy
- + Phòng Tổ chức Hành chính
- + Chi nhánh Công ty tại Hà Nội
- + Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
- + Nhà máy cơ khí chế tạo tại Bình Kiến – Phú Yên
- + 11 đội công trình trực thuộc gồm:
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Trà Xom
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Đồng Nai 2
 - Đội công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 5
 - Đội công trình Nhà máy gang thép Thái Nguyên
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Ngòi Phát
 - Đội công trình: Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, thiết bị điện, chống sét Dự án di dời Xí nghiệp sấm lốp vào khu CN Liên Chiểu Đà Nẵng.

- Đội công trình: Xây dựng khu phụ trợ, gia công, lắp đặt thiết bị nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.
- Đội công trình: Tháo dỡ, vận chuyển và lắp đặt dây chuyền TB trạm tách khí SX Ôxy và Nitơ hóa lỏng – Bình Định.

+ Các Công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên nắm giữ 1.785.000 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Góp vốn mua cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, góp 10% vốn điều lệ đương tương: 25,6 tỷ đồng, công ty đã góp tính đến ngày 31/12/2014 đã góp 25,6 tỷ đồng, đã góp đủ số vốn theo quy định.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

* Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (nay đổi tên thành Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- + Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc
- + Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện;
- + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
- + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Xuất nhập khẩu lao động, vật tư thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng
- + Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- + Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hoá, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;

- + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chi hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- + Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng ;
- + Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền , vận tải đường sông và đường biển;
- + Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;
- + Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn; đào tạo và thực hiện việc đưa người lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- + Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, các dây chuyền công nghệ mới;
- + Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hoá, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- + Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

• **Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn:**

- Được cấp giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh lần đầu số 0103017658, ngày 30/05/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ hai cấp ngày 16/04/2012 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Trụ sở chính: Thôn 7 xã Phú Cát, huyện Quốc Oai – Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ xây dựng.
- + Xây dựng và kinh doanh các công trình điện, xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, khu đô thị và khu công nghiệp, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch

- + Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cấp thoát nước, các công trình đường dây và trạm biến áp.
- + Đào tạo nghề cho công nhân vận hành nhà máy thủy điện, tư vấn lắp đặt thiết bị điện, tư vấn đầu tư trong và ngoài nước.
- + Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện
- + Khai thác khoáng sản và kinh doanh các mặt hàng khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm).
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

5. Định hướng phát triển

*** Mục tiêu tổng quát:**

Phát triển theo định hướng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó tập trung vào ngành nghề chính đã được phân công, sắp xếp bộ máy cho phù hợp với năng lực, sở trường thi công và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường, tránh cạnh tranh nội bộ

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua tái cấu trúc để Công ty có thể phát triển bền vững.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- Mục tiêu thị trường sản phẩm: Duy trì thị trường truyền thống Gia công, chế tạo cung cấp dịch vụ lắp đặt thiết bị là chủ yếu, tích cực tìm kiếm và chiếm lĩnh các thị trường mới. Luôn cung cấp các sản phẩm có chất lượng ra thị trường, được khách hàng tín nhiệm.

- Mục tiêu tài chính: Lựa chọn thời điểm thích hợp để tăng vốn điều lệ, đảm bảo có lợi nhuận để chi trả cổ tức và tái đầu tư phát triển, quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong nước để đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mục tiêu con người: Xây dựng và phát triển lực lượng cán bộ quản lý có trình độ, có tầm nhìn xa, có đạo đức tác phong nghề nghiệp. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân tay nghề cao có thể chế tạo được những thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế và vận hành tốt các nhà máy công nghiệp theo chế độ tự động hóa cũng như các thiết bị tiên tiến của thế giới.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Sản xuất kinh doanh

- + Tái cấu trúc mọi nguồn lực phù hợp cho từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đề ra.
- + Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro

- + *Về ngành nghề:* Các năm tiếp theo các dự án thủy điện sẽ không còn. Do đó Công ty sẽ có chiến lược chuyển đổi ngành nghề cho phù hợp với ngành nghề mới, đảm bảo phát triển lâu dài bền vững cho Công ty.
- + *Về thị trường:* Tích cực tìm kiếm thị trường, nghiên cứu thế mạnh của Công ty để xây dựng thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh để nhận thêm nhiều công trình mới, Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp, các dự án đó có nguồn vốn thanh toán tốt làm sao để có đủ công ăn việc làm cho Người lao động, có doanh thu và lợi nhuận đem về cho Công ty.
- + *Về Tài chính:* Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Pháp luật về công tác quản lý tài chính, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đa dạng hóa các phương án huy động vốn, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư, phối hợp đồng bộ với công tác thi công, nghiệm thu và thu hồi vốn nhằm tăng vòng quay vốn lưu động, giảm vốn vay và chi phí tài chính. Có kế hoạch thoái vốn cụ thể tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.
- + Công tác đời sống của CBCNV:
 - Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, thu nhập bình quân hàng tháng là 5.970.000 đồng/người/tháng.
 - Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
 - Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
 - Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xóa bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

+ Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của môi trường làm việc theo đúng quy định của luật môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người lao động cũng như cộng đồng xã hội. Tiếp tục có chính sách quan tâm đến những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp xây dựng Nhà tình nghĩa.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv.... Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành

Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính sách của các cơ quan ban, ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù ngành:

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo dài tiến độ của hợp đồng cũng nhưng tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cầu trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

6.3. Rủi ro về thị trường:

Nước ta ra nhập các tổ chức thương mại quốc tế WTO sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, việc mở rộng thị trường sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước.

6.4. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnh...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như làm chậm tiến độ gây thiệt hại đến các hạng mục công trình đang thi công.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh

Trong năm 2014 các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 không đạt được so với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2013
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	554.400.000	446.962.136	80,6%	91,1%
2	Tổng doanh thu	277.200.000	223.481.068	80,6%	91,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.200.000	560.547	25,5%	46,4%
4	Nộp ngân sách	15.893.000	16.195.077	101,9%	280,8%
5	Đầu tư XDCB	7.000.000	522.895	7,5%	11,7%
6	Tổng quỹ lương	80.388.000	50.137.749	62,4%	93,6%
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	5.689	5.970	104,9%	111,1%
8	Dự kiến cổ tức (%)	2%			

Doanh thu thuần năm 2014 đạt 223 tỷ đồng so với doanh thu thuần năm 2013 là 245 tỷ đồng giảm 21,9 tỷ đồng, giảm 8,9% so với năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 0,5 tỷ đồng giảm 0,6 tỷ đồng, giảm 54,6% so với năm 2013, các chỉ tiêu không đạt so với Nghị quyết đại hội đồng năm 2014.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Thuận lợi

- + Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, các cơ quan chính quyền địa phương tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương nơi công ty thi công.
- + Sự đoàn kết nhất trí cao trong ban lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự tin tưởng và yên tâm công tác trong công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.

➤ Khó khăn

+ Địa bàn hoạt động:

Công ty cổ phần Lilama 45.3 đóng trên địa bàn Miền Trung, điều kiện tiếp xúc với các Chủ đầu tư cũng như các dự án lớn gặp rất nhiều hạn chế, với địa bàn thi công dàn trải từ Bắc vào Nam, từ Miền Trung đến các tỉnh Tây Nguyên dẫn đến việc quản lý gặp nhiều khó khăn, đồng thời làm tăng chi phí về di chuyển CBCNV, máy móc thiết bị thi công và chi phí điều hành thi công.

+ Công tác quản trị điều hành doanh nghiệp:

Về công tác quản trị Doanh nghiệp chưa đạt kết quả cao, do đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật và CBCNV còn thiếu kinh nghiệm và tay nghề, nên khả năng đáp ứng về yêu cầu công việc còn hạn chế dẫn đến năng suất lao động thấp.

+ Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm:

Trong năm Ban lãnh đạo Công ty đã ký kết một số hợp đồng nhưng giá trị chưa cao
+ **Công tác nghiệm thu, thanh toán các công trình**

Một số dự án lớn hiện nay do Chủ đầu tư duyệt đơn giá chậm dẫn đến công tác nghiệm thu và thanh toán gặp nhiều khó khăn như: Dự án Gang thép Thái Nguyên, dự án Hangar A75...

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách Ban điều hành

2.1 Ban Tổng giám đốc.

Ông Hoàng Việt	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc
Năm sinh:	21/09/1973
Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3
Ông Trần Quang Du	Phó Tổng giám đốc
Năm sinh:	05/08/1970
Nơi sinh:	Bệnh viện thị xã Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Yên Sơn - Thị xã Tuyên Quang.

Địa chỉ thường trú:	15/40 đường Bà Triệu, phường Lê Hồng Phong, thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1997 – 1998	Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7
1998 – T09/2009	Đội trưởng các công trình thuộc Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3

Ông Huỳnh Lê Hoà Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh:	20/08/1959
Nơi sinh:	Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoà Định Đông, Phú Hoà, Phú Yên
Địa chỉ thường trú:	250 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hoà, Phú Yên
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
1994 – 1996	Kỹ thuật giám sát BQLDA Nhà máy xi măng Phú Yên
1997 – 1998	TP. Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
1999 – 2000	TP Kinh tế tiếp thị Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2002 – 2003	TP. Kế hoạch đầu tư Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2004	Phó phòng KT - KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2005 – 04/2006	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 03/2010	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 45.3
04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3

Ông Mạc Thanh Hải Phó Tổng giám đốc

Năm sinh:	16/06/1975
Nơi sinh:	Đồng Lưu – Yên thế - Bắc Giang

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Nùng
Quê quán:	Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thủy điện Đa My Công ty LM & XD 45.3
2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng
2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thủy sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3

2.2 Kế toán trưởng.

Ông Phạm Văn Thìn	Kế toán trưởng
Năm sinh:	26/12/1975
Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu – Nghĩa Đàn - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	

T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy Và XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 – nay	Kế toán trưởng Công ty CP LILAMA 45.3

+ Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm: Không thay đổi

+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động đến 31/12/2014 là 715 người; trong đó: 13 nữ, kỹ sư và cử nhân người 95 người.
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
 - + Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí mở các lớp đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
 - + Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
 - + Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
 - + Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

- + Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.
- + Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

a, Các dự án đầu tư:

* Dự án khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất: dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, đã quyết toán trong Quý II năm 2014 để hình thành tài sản, một số hạng mục phụ và thiết bị đang thực hiện vào giai đoạn 2.

* Dự án đầu tư thiết bị phương tiện thi công từ năm 2009 đến năm 2014: Đầu tư mua sắm thiết bị và nâng cao năng lực thiết bị thi công là một vấn đề hết sức quan trọng, tuy nhiên năm 2014 Công ty không thực hiện đầu tư mua sắm mới thiết bị, chỉ tập trung sửa chữa, tận dụng thiết bị hiện có để thi công các công trình, tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí và đầu tư không hiệu quả.

b, Công ty con: Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chi nhánh tại Hà Nội, Công ty hạch toán phụ thuộc.

Công ty liên kết: Không có

4, Tình hình tài chính

DVT: đồng

St t	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	TH 2014/2013 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	332.402.472.425	446.962.139.774	80,62
2	Doanh thu thuần	245.388.551.171	223.481.069.887	80,62
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	1.513.576.925	1.238.418.734	81,82
4	Lợi Nhuận khác	(311.768.241)	(677.870.467)	217,42
5*	Lợi nhuận trước thuế	1.201.808.684	560.548.267	46,64
6	Lợi nhuận sau thuế	886.961.762	354.990.647	40,02
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%		

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2013
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		15,14	16,74
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		84,86	83,26
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		78,01	77,53
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		21,99	22,47
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,60	0,52
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,10	1,08
4	Khả năng sinh lời	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,10	0,27
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,16	0,36
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,47	1,18
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		1,01	2,53

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 là 1,1 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013, cấu trúc vốn của Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 77,5% lên 78,01%, đó là hệ quả của việc tăng tỷ lệ nợ, cụ thể là nợ ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2014 giảm hơn so với năm 2013; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0,16%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 0,47%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 1,01%.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014 là:

Tại thời điểm 31/12/2014 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{75.005.027.900}{3.500.000} =$$

Giá trị sổ sách = 21.430 đồng (đồng/CP)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần tại ngày 31/12/2014.

Mã chứng khoán L43

- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng /cổ phiếu

b, Cơ cấu cổ đông.

* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ CĐ chốt ngày 28/03/2014 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu		3.500.000	100%	306		
1	Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên	1.785.000		1	1.785.000	0
	- Trong nước	1.785.000	51%	1	1.785.000	
	- Ngoài nước					
2	Cổ đông khác	1.715.000	49%	305	213.500	1.501.500
	- Trong nước	1.714.400	48,98%	303	343.700	1.370.700
	- Ngoài nước	600	0,017%	2		600

*** Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.785.000	51%
2.	Công ty TNHH MTV VIDP Hà Nội	Số 18A, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, TP Hà Nội	327.000	9,3%
	Tổng cộng		2.112.000	

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e, Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2013	KH năm 2014	TH năm 2014	So sánh (%)	
				TH 2014/TH 2013	TH2014/KH 2014
Tổng doanh thu	245.388	277.200	223.481	91,07	80,62
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	1.201	2.200	560	46,64	25,48

Trong năm 2014 là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng đến trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước những khó khăn về việc làm, về cạnh tranh thị trường, nhằm đảm bảo công tác báo giá, đấu thầu đạt hiệu quả cao. Những tiến bộ Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã đạt được như sau:

- Hoàn thiện quy chế quản lý Doanh nghiệp, quản lý thi công, quản lý nhân lực, quản lý kinh tế trong Công ty.

- Tổ chức thi công các công trình trọng điểm đi vào chuyên nghiệp như: Nhà máy Gang thép Thái Nguyên, Xây dựng tòa nhà Hangar A75, Dự án SX lốp xe tải – Nhà máy cao su Đà Nẵng, Dự án di dời xí nghiệp sản lốp ô tô từ khu CN Bắc Mỹ An vào khu CN Liên Chiểu Đà Nẵng.

- Tăng cường công tác tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc với tiêu chí : Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, không quản dự án gần hay xa, không so sánh lợi nhuận nhiều hay ít miễn là trúng thầu và có lợi nhuận.

- Tìm hiểu, nắm bắt kỹ lưỡng các thông tin giá cả trên thị trường, các thông tin về đối thủ cạnh tranh để đưa ra các giải pháp tối ưu nhất trong báo giá đấu thầu.

- Do vậy trong năm 2014, ngoài những hợp đồng đã ký kết từ những năm trước đang được triển khai thi công. Công ty đã ký thêm được một số hợp đồng với giá trị : **280,7 tỷ đồng**, cụ thể như sau :
 - + Chế tạo, lắp đặt thiết bị CKTC - Dự án thủy điện Trung Thu - Điện Biên: 66,5 tỷ đồng.
 - + Lắp đặt Bồn, kết cấu thép, đường ống và XD phụ trợ phục vụ thi công - Dự án Lọc dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa: 93 tỷ đồng.
 - + Lắp đặt Lò hơi, chế tạo ống gió và bồn, xây dựng móng nhà Tuabin - Dự án mở rộng nâng công suất NMD KCP Sơn Hòa lên 10.000 tấn mía/ ngày - Phú Yên: 34,8 tỷ đồng.
 - + Lắp đặt thiết bị điện - Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 - Thái Bình: 76,5 tỷ đồng
 - + Một số dự án khác: Lắp đặt thiết bị thủy điện Ngòi Phát; Di dời nhà máy Ôxy; Bảo dưỡng NM Xi măng Miền Trung; Phun cát-sơn KCT Doosan; Chế tạo van cung; chế tạo bồn chứa dầu....giá trị: 9,8 tỷ đồng.

2, Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

DVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	289.389	276.757	12.631	105%
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	19.922	2.423	17.499	822%
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	138.985	128.540	10.445	108%
3 - Hàng tồn kho	129.832	145.276	(15.444)	89%
4 - Tài sản ngắn hạn khác	648	517	131	125%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	51.627	55.644	(4.018)	93%
1 - Tài sản cố định	25.045	28.907	(3.862)	87%
2 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25.600	25.600		
3 - Tài sản dài hạn khác	981	1.137	(155)	86%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	341.016	332.402	8.614	103%

- Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng 3% chủ yếu là do tăng tài sản lưu động cụ thể là: tiền và các khoản tương đương tiền tăng 17,4 tỷ đồng do tiền thu khối lượng về tài khoản tiền gửi, các khoản phải thu tăng 10,4 tỷ đồng tăng 8% do phát hành hóa đơn tăng doanh thu trong năm, hàng tồn kho giảm 15,4 tỷ do kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Tài sản dài hạn giảm do trong kỳ đầu tư tài sản ít và chi phí khấu hao tài sản
- Trong năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 966 triệu đồng, tỷ lệ nợ phải thu xấu chiếm 6,5 tỷ đ/144 tỷ đồng chiếm 4,5% cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	266.011	257.708	8.303	103%
1 - Nợ ngắn hạn	264.262	255.151	9.110	104%
2 - Nợ dài hạn	1.749	2.556	(808)	68%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	75.005	74.694	311	100,4%
1 - Vốn chủ sở hữu	75.005	74.694	311	100,4%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	341.016	332.402	8.614	103%

- Tổng nguồn vốn tăng 8,6 tỷ đồng chủ yếu do nợ phải trả tăng 8,3 tỷ đồng tăng 3%, trong đó nợ ngắn hạn tăng 9,1 tỷ đồng, tăng 4%, đây là khoản nợ các tổ chức tín dụng, công ty cần quyết liệt thu hồi công nợ, giảm nợ phải trả, nhằm đảm bảo an toàn và chủ động cho nguồn vốn SXKD.
- Vốn chủ sở hữu tăng 311 triệu đồng, tăng 0,4% so với đầu kỳ do lợi nhuận thấp và phải trích các quỹ, trả cổ tức của năm 2013.

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- + Thực hiện cải tiến cơ cấu tổ chức: Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên.
- + Kiện toàn các đội sản xuất, chuyển từ cơ chế điều hành tập trung sang cơ chế đội nhận khoán, qua đó tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các cá nhân và hiệu quả SXKD được nâng lên rõ rệt.

- + Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, tăng mức ăn ca, thu nhập, tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.
- + Cơ cấu, cân đối lại vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.
- Các biện pháp kiểm soát.
- + Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.
- + Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.
- + Phòng Tổ chức hành chính giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)
- + Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.
- + Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cầu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn.
- + Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư của các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua
- + Phòng tài chính kế toán phối hợp với phòng kinh tế kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.
- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay.
- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.
- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV,...

- **Chiến lược phát triển 05 năm từ năm 2014 đến năm 2018**
- Giá trị sản xuất tăng trưởng từ 10% -12%, đạt 446 tỷ đồng đến 576 tỷ đồng
- Doanh thu tăng từ 10% -12% , đạt 223,4 tỷ đồng đến 363,3 tỷ đồng.
- Lợi nhuận tăng từ 10% -12%, đạt 4,3 tỷ đồng đến 5,6 tỷ đồng.
- Tiếp tục giữ vững vị thế là Doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy (Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác....)

- **Nhận định chung trong năm 2015**

- Trong năm 2015 nền kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi do vậy kinh tế trong nước có chuyển biến tích cực nhưng còn rất nhiều khó khăn và thách thức.
- Việc hội nhập quốc tế đã nảy sinh ra những vấn đề về cạnh tranh, ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề với Lilama, các đối thủ đó đều mạnh về tài chính, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và đơn giá nhân công.
- Một số khách hàng gần đây cũng gặp khó khăn về tài chính, việc thu hồi vốn sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trực tiếp.

Do đó Hội đồng quản trị Công ty cần thực hiện mạnh hơn các biện pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2015 :

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt của Công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế.

Trong năm 2015 Công ty sẽ phân đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	1000 đồng	593.278	
2	Tổng doanh thu	1000 đồng	296.639	
3	Lợi nhuận trước thuế	1000 đồng	4.300	
4	Nộp ngân sách	1000 đồng	17.006	

5	Đầu tư XD CB	1000 đồng	20.983
6	Tổng quỹ lương	1000 đồng	86.025
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000 đồng	6.070
8	Dự kiến cổ tức	%	5

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.

IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2014, HĐQT đã họp 09 phiên vào từng quý và bất thường, các phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, một số phiên họp mở rộng có sự tham gia của ban Tổng giám đốc, các Trưởng phòng ban.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 diễn ra vào ngày 18/04/2014.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
- Đã chi trả cổ tức (5%) bằng tiền mặt năm 2012 cho các cổ đông.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua, Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh từng quý, đồng thời kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2014.

Soạn thảo và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty

Xây dựng và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001-2008.

Để ổn định về bộ máy tổ chức quản lý và duy trì sự lãnh đạo công ty và chi nhánh, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định:

- Tái bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc
- Đã thực hiện trong tháng 05/2014 sắp xếp, sáp nhập từ 06 phòng ban chức năng nghiệp vụ giảm xuống còn 05 phòng ban chức năng và đổi tên phòng Tổ chức lao động thành phòng Tổ chức hành chính.
- Công ty đã ký hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng, về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho SXKD và đầu tư năm 2014.

+ Phân phối lợi nhuận năm 2013: đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

+ Thực hiện chi trả cổ tức: Đã chi trả cổ tức năm 2012 (5%) vào ngày 28/05/2014, cổ tức năm 2013 không chia cho các cổ đông (*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua*).

+ Về việc chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2014: HĐQT Công ty đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

+ Về việc thông qua đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Tổng Công ty giai đoạn 2012-2015 và 2016 đến 2020 của Công ty Cổ phần LILAMA 45.3. Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã được Tổng công ty LILAMA Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 120/TCT-HĐTV ngày 11/04/2014 với các nội dung như: Ngành nghề kinh doanh; Vốn điều lệ; Cơ cấu tổ chức; Lộ trình thoái vốn đến năm 2015; Tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp.

+ Kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: Việc thực hiện thoái vốn phải đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, hiệu quả. Tuy nhiên trong giai đoạn vừa qua Công ty vẫn chưa thực hiện được việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn vì lý do khách quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm bảo đảm cho hoạt động SXKD của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT, luôn chú trọng công tác rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà phát triển bền vững, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan chức năng thực hiện tốt được vai trò giám sát, thanh tra kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Cổ đông, đối tác và bạn hàng cũng như quyền lợi của Người lao động.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận chưa đạt so với kế hoạch, chưa thu hồi được công nợ của công trình Nhà máy thủy điện Đrâyh' Linh 3 với giá trị là: 5,2 tỷ đồng, công nợ nhà máy thủy điện Đăm Bol với giá trị: 10,2 tỷ đồng, công trình nhà máy thủy điện La La - Quảng Trị với giá trị: 3,2 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 30% công nợ công trình Nhà máy thủy điện La La : 966 triệu đồng

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.
- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;
- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị

- a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT

Ông Hoàng Việt	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Bùi Quốc Vương	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Tổ chức hành chính
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999-2000	Kỹ sư giám sát - biệt phái cho Tety LILAMA tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá
2000-2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002-2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý

	LILAMA tại Dung Quất
2003-2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM xi măng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006- T09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
T10/2009-T05/2010	Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3
T06/2010 – nay	Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
Ông Vũ Quang Thế	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng vật tư (bổ nhiệm ngày 18/04/2013)
Năm sinh:	02/01/1967
Nơi sinh:	Nam Thái – Nam Trực – Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nam Thái – Nam Trực – Nam Định
Địa chỉ thường trú:	Tổ 11 – Phường Nghĩa Chánh – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTHH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T04/1992-T6/1996	Phòng Tổ chức – Công ty 32 - Tổng cục hậu cần
T7/1996-T7/1999	Nhân viên Phòng vật tư – Công ty Cổ phần Lilama 45.1
T1/2000-T9/2000	Nhân viên Phòng vật tư – Công ty cổ phần Lilama 18
T10/2000-T4/2004	Trưởng ban vật tư – Nm lọc dầu Dung Quất – Công ty cổ phần Lilama 18
T5/2004-T5/2006	Trưởng ban vật tư – Nm xi măng Sông Gianh – Công ty cổ phần Lilama 18
T6/2006-T9/2009	Trưởng phòng vật tư – Nm lọc dầu Dung Quất – Công ty cổ phần Lilama 18
T10/2009-T12/2011	Nhân viên Phòng vật tư – Công ty cổ phần Lilama 45.3
T1/2012- nay	Trưởng phòng vật tư – Công ty cổ phần Lilama 45.3

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2014
-----	-----------	---------	--	---------------------------------------

			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hoàng Việt	CT HĐQT	15.000	0,43	15.000	0,43
2	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT	10.000	0,28	10.000	0,28
3	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	10.000	0,28
4	Bùi Quốc Vương	TV HĐQT	0		0	
5	Vũ Quang Thế	TV HĐQT	0		0	

b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

TT	Số nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	03/2014/NQ- HĐQT	17/02/2014	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán và phát hành Báo cáo tài chính năm 2013, dự kiến thời gian kiểm toán và mức phí kiểm toán
2	06/2014/NQ- HĐQT	11/03/2014	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2013
			- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014
			- Thông qua công tác tổ chức, cán bộ
			- Thông qua nội dung đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3
			- Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
			- Thông qua kế hoạch thanh toán cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt cho các cổ đông
			- Thông qua danh mục tài liệu báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
			- Thông qua phân công trách nhiệm thực hiện
3	11/2014/NQ	14/05/2014	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán quyết toán

	HĐQT		vốn đầu tư hoàn thành dự án khu kho bãi chứa thiết bị và dịch kỹ thuật Lilama 45.3 tại Dung Quất.
			- Thông qua kế hoạch tài chính năm 2014.
4	13/2014/NQ-HĐQT	16/06/2014	- Thông qua kết quả SXKD và đầu tư PT Quý I/2014 và kế hoạch Quý II năm 2014.
			- Thông qua công tác thu hồi công vốn.
			- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014
5	17/2014/NQ-HĐQT	28/06/2014	- Thông qua phê duyệt quyết toán dự án kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 tại Dung Quất.
6	21/2014/NQ-HÑQT	06/08/2014	- Thông qua kết quả kinh doanh và đầu tư phát triển 06 tháng đầu năm 2014 và KH quý 3-2014
			- Thông qua công tác thu hồi vốn 06 tháng năm 2014 và dự kiến thu hồi vốn Quý 3-2014
			- Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3
			- Thông qua công tác cán bộ: Tái bổ nhiệm Tổng GD và Phó TGD
7.	29/2014/NQ-HĐQT	13/11/2014	- Thông qua kết quả hoạt động SCKD Quý 3-2014 và dự kiến kế hoạch Quý 4-2014
			- Thông qua công tác thu hồi vốn Quý 3-2014 và dự kiến thu hồi vốn Quý 4-2014
			- Thông qua sửa chữa trụ sở cũ 51 đường Độc Lập – TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
			- Thông qua công tác cán bộ: bổ nhiệm Giám đốc nhà máy cơ khí và Phó giám đốc nhà máy cơ khí
			- Thông qua đầu tư phương tiện, xe cầu, máy móc thiết bị
8.	32/2014/NQ-HĐQT	25/12/2014	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014, dự kiến thời gian và mức phí kiểm toán
9.	34 /2014/NQ-HĐQT	26/12/2014	- Thông qua kết quả thu hồi vốn Quý 4/2014 và dự kiến thu hồi vốn Q1/2015.
			- Thông qua việc thành lập Hội đồng thẩm định, xử lý nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.
			- Thông qua trích bổ sung quỹ tiền lương tháng 13 năm 2014.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh:	1982
Nơi sinh:	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Trường Thịnh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Khu 10, Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
2004 – nay	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Ông Phạm Xuân Đông	Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh:	1959
Nơi sinh:	Hà Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Liêm Túc - huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú:	Tổ 10 phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế lao động
Quá trình công tác:	
1980-1982	Là CN hàn làm tại Nhà máy xi măng Bim Sơn thuộc xí nghiệp lắp máy số 1 Hà Nội
1982 – 1984	Làm tại nhà máy nhiệt điện Phả Lại
1985 – 1988	Dạy thực hành hàn Công trình thủy điện Sông Đà
1988 – 1992	Học Đại Học Công Đoàn ngành kinh tế lao động
1993 – 1995	Làm tại phòng tổ chức lao động XN lắp máy và XD 45-3 lắp đặt trạm 500PleiKu
1995 – nay	Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần LILAMA 45.3

Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát – Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật
Năm sinh:	1974
Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	L4K Đường Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
T5/1996-T6/1996	Nhân viên phòng kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên phòng Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội công trình Nmáy thủy điện Sông Hinh – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công nhà máy thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công nhà máy đường Cam Ranh Khánh Hòa
T3/2001-T 7/2002	Nhân viên Phòng Kinh tế - Tiếp thị - Công ty Lắp máy & XD 45-3
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng kế hoạch Đầu tư – Công ty Lắp máy & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên Phòng Kinh tế Kỹ thuật – Công ty Lắp máy & XD 45.3
T5/2005 - nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3

b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2014	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Mạnh Hường	Trưởng BKS	0		0	0
2	Phạm Xuân Đồng	TV BKS	9.600	0,27	0	0
3	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	0,01	0	0

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a, Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

Chủ tịch HĐQT: Thù lao 3 lần mức lương tối thiểu /tháng

Thành viên HĐQT và TBKS: Thù lao 2 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thành viên Ban kiểm soát: Thù lao 1,5 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thư ký HĐQT: Thù lao 1 lần mức lương tối thiểu/tháng

DVT: đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tiền
1	Hoàng Việt	Chủ tịch HĐQT – kiêm Tổng GĐ	289.895.667
2	Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT – Phó TGD	211.281.417
3	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	213.253.395
4	Bùi Quốc Vương	Thành viên HĐQT-TP Tổ chức LĐ	154.756.854
5	Vũ Quang Thế	Thành viên HĐQT – TP Vật tư	151.977.582
6	Trần Quang Du	Phó Tổng GĐ	183.681.417

7	Mạc Thanh Hải	Phó Tổng GD	183.681.417
8	Ng. Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	24.840.000
9	Phạm Xuân Đồng	Thành viên Ban kiểm soát	171.504.438
10	Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	132.969.127
11	Phạm Thị Bích Hà	Thư ký HĐQT	126.370.042
	Tổng cộng		1.844.211.356

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát: Không có thay đổi

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1, Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		289.388.862.216	276.757.481.836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.922.849.741	2.423.215.912
1. Tiền	111		19.922.849.741	2.423.215.912
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Phải thu ngắn hạn	130		138.985.145.886	128.540.243.499
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	144.805.863.081	130.425.270.838
2. Trả trước cho người bán	132		424.779.800	3.038.146.368
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			282.927.435
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	331.812.124	404.861.246
6. Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi	139	5.4	(6.577.309.119)	(5.610.962.388)

IV. Hàng tồn kho	140	5.5	129.832.040.571	145.276.362.070
1. Hàng tồn kho	141		129.832.040.571	145.276.362.070
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		648.826.018	517.660.355
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	648.826.018	517.660.355
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.627.448.549	55.644.990.589
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		25.045.846.408	28.907.916.382
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	21.173.040.307	17.184.329.929
- Nguyên giá	222		67.075.598.983	59.184.926.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.902.558.676)	(42.000.596.831)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	3.266.635.275	3.634.985.091
- Nguyên giá	225		3.683.498.181	3.683.498.181
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(416.862.906)	(48.513.090)
3. Tài sản cố định thuê vô hình	227		37.583.327	
- Nguyên giá	228	5.9	55.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.416.673)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	568.587.499	8.088.601.362
III. Bất động sản đầu tư	240			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	25.600.000.000	25.600.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		25.600.000.000	25.600.000.000
V. Đầu tư dài hạn khác	260		981.602.141	1.137.074.207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	551.102.141	706.574.207
3. Tài sản dài hạn khác	268		430.500.000	430.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		341.016.310.765	332.402.472.425

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		266.011.282.865	257.708.087.084
I. Nợ ngắn hạn	310		264.262.247.670	255.151.336.758
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	122.260.551.921	117.476.324.244
2. Phải trả người bán	312	5.14	42.913.253.129	33.785.126.384
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	33.159.056.430	27.485.405.106
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	5.656.504.671	10.779.514.517
5. Phải trả công nhân viên	315		2.738.704.276	3.056.622.501
7. Phải trả nội bộ	317	5.17	53.722.271.802	53.496.962.270
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.18	2.273.464.108	7.280.238.493
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.538.441.331	1.791.143.243
II. Nợ dài hạn	330		1.749.035.195	2.556.750.326
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	1.749.035.195	2.556.750.326
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		75.005.027.900	74.694.385.341
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	5.20	75.005.027.900	74.694.385.341
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.277.672.000	4.277.672.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		30.437.442.377	30.127.005.760
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		2.058.688.368	2.014.340.280

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.017.688.368	1.973.340.280
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.213.536.787	1.302.027.021
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		341.016.310.765	332.402.472.425

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
5. Ngoại tệ các loại - USD			130,38	102,36

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MÃ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	223.481.069.887	245.388.551.171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (03=04+05+06+07)	02			-
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10		223.481.069.887	245.388.551.171
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	196.689.119.365	217.475.311.509
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		26.791.950.522	27.913.239.662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	42.064.997	95.620.084
7. Chi phí tài chính	22	5.21	16.516.657.549	18.025.947.763
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		16.500.368.697	17.944.802.283
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.078.939.236	8.469.335.058
10. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD(30=20+21-22-24-25)	30		1.238.418.734	1.513.576.925
11. Thu nhập khác	31	5.22		170.779.999
12. Chi phí khác	32	5.23	677.870.467	482.548.240
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(677.870.467)	(311.768.241)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		560.548.267	1.201.808.684
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	205.557.620	314.846.922
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		354.990.647	886.961.762
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	101	253

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		249.951.805.996	211.415.445.985
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(140.091.960.997)	(122.631.615.924)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(49.824.330.722)	(52.764.363.198)
Tiền chi trả lãi vay	04		(16.737.670.253)	(17.944.802.283)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(131.851.323)	(786.230.819)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.958.191.599	5.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.970.725.251)	(5.088.364.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.153.459.049	12.205.068.899
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(926.841.088)	(695.096.731)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22			165.779.999
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.238.147	79.326.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(894.602.941)	(449.989.755)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		191.531.474.049	216.147.335.063
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(186.828.230.947)	(223.839.858.680)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(726.730.556)	(1.013.376.641)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.735.734.825)	(3.626.479.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.240.777.721	(12.332.379.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.499.633.829	(577.300.764)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		2.423.215.912	3.000.516.676
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		19.922.849.741	2.423.215.912

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh

doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Thông tin về chi nhánh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy cơ khí Lilama 45.3	Số 51 đường Độc Lập, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3	Lô 4K đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện Lilama 45.3 CN Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại Hà Nội	Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk A8/TT7 Khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế;
- Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất;
- Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hóa chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp;
- Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây truyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thăm thấu, từ tính Xray);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ;
- Chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, hoạt động vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
Phần mềm máy tính	05 năm

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Giá trị thương hiệu lilama;
- Chi phí bảo hiểm tài sản cố định thuê tài chính và chi phí thuê đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

11. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

12. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty: www.lilama45-3.com.vn

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Việt